TAND HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2019/HS –ST
Ngày: 25 – 9 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Kiều Trung;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Bùi Quốc Thìn;

2/ Ông Đặng Bên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trọng Nghĩa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/TLST – HS ngày 05 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST – HS ngày 13 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **BÙI HÀ T,** sinh năm 1972 tại tỉnh Q; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Biển; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Con ông Bùi Chi N và bà Hà Thị L; Vợ: Phan Thị S, Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. nhân thân: ngày 20/02/2009 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q xử phạt 15 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 10/2009/HSST và ngày 09/02/2015 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q xử phạt 16 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 11/2015/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Đỗ Thị S, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Phạm Văn Ph, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Q.

+ Anh Dương Văn Th, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 11/3/2019, Bùi Hà T, sinh năm 1972, ở tại thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Q đi từ nhà đến xã B để hỏi ghe đi biển, khi đi đến đồng cỏ thuộc xóm M, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Q thì phát hiện có một số con bò của người dân cột dây cho ăn cỏ tại đây nhưng không có ai trông coi, nên Bùi Hà T nảy sinh ý định trộm cắp bò để bán lấy tiền tiêu xài.

Lúc này, Bùi Hà T lén lút mở dây cột, rồi dắt 02 con bò gồm 01 con bò cái 6 tuổi, lông màu đỏ lợt và 01 con nghé đực 2 tháng tuổi của chị Đỗ Thị S, sinh năm 1976, ở tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Q đi đến khu vực gần cầu Đập Đá thuộc thôn B, xã B, huyện B. Sau đó, Bùi Hà T gọi điện cho anh Dương Văn Th, sinh năm 1978, ở tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Q là người mua bò đến rồi bán 02 con bò nói trên với số tiền là 16.900.000 đồng. Sau khi mua, Dương Văn Th đưa 02 con bò về lò mổ tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Q mổ thịt con bò cái bán được số tiền 12.700.000 đồng, còn lại con nghé đực hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ. Ngày 18/3/2019, Bùi Hà T đến Công an huyện B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

02 con bò mà Bùi Hà T đã trộm cắp được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện B định giá kết luận: 01 (một) con bò cái, lông màu đỏ lợt, 06 năm tuổi trị giá 13.700.000 đồng; 01 (một) con bò nghé đực, lông màu đỏ lợt, 02 tháng tuổi trị giá 3.300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Bùi Hà T chiếm đoạt được là 17.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 40/CT – VKS, ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q đã truy tố bị cáo Bùi Hà T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q xác định Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Bùi Hà T về tội *"Trộm cắp tài sản"* là có căn cứ, đúng pháp luật nên giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Bùi Hà T với mức án từ 12 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, Bùi Hà T đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường cho chị Đỗ Thị S số tiền là 15.000.000 đồng và bồi thường lại cho anh Dương Văn Th số tiền 4.200.000 đồng. Hiện nay, chị Đỗ Thị S và anh Dương Văn Th đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng: Đối với con nghé đực 02 tháng tuổi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tạm giữ và đã trả lại cho Đỗ Thị S. Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, số IMEI: 351549/06/32516312 của bị cáo Bùi Hà T dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: Bị cáo không bào chữa cũng như tranh luận, thống nhất về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm

dân sự, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q.

Ý kiến của bị hại có tại hồ sơ vụ án:

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về dân sự: Đã thỏa thuận giải quyết xong và không yêu cầu hay khiếu nại gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Hà T đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng được thu giữ, các tài liệu về hiện trường và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần bỏ sức lao động nên khoảng 08 giờ ngày 11/3/2019 tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Q, bị cáo Bùi Hà T lén lút trộm 02 con bò gồm 01 con bò cái 6 tuổi, lông màu đỏ lợt và 01 con nghé đực 2 tháng tuổi của chị Đỗ Thị S để bán lấy tiền. Tổng giá trị tài sản bị cáo Bùi Hà T chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện B kết luận là 17.000.000đồng *(Mười bảy triệu đồng),* vì vậy hành vi của bị cáo Bùi Hà T đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với Dương Văn Th khi mua 02 con bò mà bị cáo Bùi Hà T bán thì Dương Văn Th không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có vì trước đây bị cáo Bùi Hà T có thời gian cũng đi buôn bò nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B không khởi tố đối với Dương Văn Th là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể loại quan trọng của luật hình sự bảo vệ là "quyền sở hữu tài sản của công dân". Vì thiếu sự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và muốn có tiền tiêu xài mà không cần bỏ sức lao động nên bị cáo đã nảy sinh ý định lén lút trộm cắp tài sản, hành vi của bị cáo gây hoang mang lo sợ trong quần

chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu về nhiều mặt đến đời sống xã hội và cuộc sống bình thường của người dân. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Ngày 20/02/2009 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q xử phạt 15 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 10/2009/HSST và ngày 09/02/2015 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q xử phạt 16 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 11/2015/HSST, đã chấp hành xong hình phạt và thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích, đến ngày 11/3/2019 lại tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bản thân bị cáo đã bị Tòa án xét xử nhiều lần về các tội chiếm đoạt tài sản, lẽ ra bị cáo phải lấy việc phạm tội trước đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện để trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo lại tiếp tục xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, qua đó thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và nhằm giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Bùi Hà T đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường cho chị Đỗ Thị S số tiền là 15.000.000 đồng và bồi thường cho anh Dương Văn Th số tiền 4.200.000 đồng. Chị Đỗ Thị S và anh Dương Văn Th đã nhận đủ số tiền nêu trên và không yêu cầu hay khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Chị Đỗ Thị S đã nhận lại con nghé đực 02 tháng tuổi và không yêu cầu hay khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, số IMEI: 351549/06/32516312 của bị cáo Bùi Hà T, bị cáo T dùng điện thoại này để liên hệ bán bò sau khi trộm cắp được nên được xác định là công cụ dùng vào việc phạm tội, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Wave không gắn biển số, bị cáo Bùi Hà T sử dụng để đi từ nhà đến xã B để hỏi ghe đi biển, khi đi đến xã B thì Bùi Hà T để lại xe bên đường rồi đi bộ, khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo Bùi Hà T không sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không thu giữ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B: Đề nghị áp dụng pháp luật, tội danh, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Bùi Hà T phạm tội: *"Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Bùi Hà T **18 (mười tám)** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về dân sự: Đã thỏa thuận giải quyết xong, các bên không yêu cầu khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, số IMEI: 351549/06/32516312 theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Bùi Hà T phải nộp 200.000đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Đội CSĐT; Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Công an; VKS; CCTHA huyện B.;
- UBND xã B (thay thông báo***);***
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung